

Tài khoản 611 - Mua hàng

1. Nguyên tắc kế toán

a) Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Tài khoản 611 "Mua hàng" chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

b) Giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào phản ánh trên tài khoản 611 "Mua hàng" phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc.

c) Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, doanh nghiệp phải tổ chức kiểm kê hàng tồn kho vào cuối kỳ kế toán để xác định số lượng và giá trị của từng nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, sản phẩm, công cụ, dụng cụ tồn kho đến cuối kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho xuất vào sử dụng và xuất bán trong kỳ.

d) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ: Khi mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, căn cứ vào hóa đơn mua hàng, Hóa đơn vận chuyển, phiếu nhập kho, thông báo thuế nhập khẩu phải nộp (hoặc biên lai thu thuế nhập khẩu,...) để ghi nhận giá gốc hàng mua vào tài khoản 611 "Mua hàng". Khi xuất sử dụng, hoặc xuất bán chỉ ghi một lần vào cuối kỳ kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê.

đ) Kế toán phải mở sổ chi tiết để hạch toán giá gốc hàng tồn kho mua vào theo từng thứ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa.

2. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611 - Mua hàng

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ;

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ);

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 611 - Mua hàng, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 6111 - Mua nguyên liệu, vật liệu:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào, xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán;

- *Tài khoản 6112 - Mua hàng hóa*: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hóa mua vào, xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

3. Phương pháp kế toán một số giao dịch kinh tế chủ yếu

a) Đối với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây lắp

- Đầu kỳ kế toán, kết chuyển trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê cuối kỳ trước), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (6111 - Mua nguyên liệu, vật liệu)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 153 - Công cụ, dụng cụ.

- Khi mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ thì giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào được phản ánh vào TK 611 không có thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (3311).

- Khi thanh toán tiền mua hàng, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112,...

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (chiết khấu thanh toán).

- Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ không đúng quy cách, chủng loại, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế, hoặc cam kết phải trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá:

+ Căn cứ vào trị giá hàng mua đã trả lại cho người bán, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (nếu thu ngay bằng tiền)

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (trừ vào số nợ còn phải trả người bán)

Có TK 611 - Mua hàng (6111) (trị giá NVL, công cụ, dụng cụ đã trả lại người bán)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

+ Nếu doanh nghiệp chấp nhận khoản giảm giá hàng của lô hàng đã mua, số tiền được giảm giá, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (nếu thu ngay bằng tiền)

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (trừ vào số nợ còn phải trả người bán)

Có TK 611 - Mua hàng (6111) (khoản giảm giá được chấp thuận)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế, kế toán phải xác định trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ và trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất vào sử dụng hoặc xuất bán.

+ Kết chuyển trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu, công cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê), ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Có TK 611 - Mua hàng (6111).

+ Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trong kỳ, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642, 241,...

Có TK 611 - Mua hàng (6111).

+ Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ thiếu hụt, mất mát, căn cứ vào biên bản xác định thiếu hụt, mất mát chờ xử lý, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381)

Có TK 611 - Mua hàng (6111).

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa

- Đầu kỳ kế toán, kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (6112)

Có TK 156 - Hàng hóa.

- Trong kỳ kế toán, khi mua hàng hóa nếu được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, căn cứ vào hóa đơn và các chứng từ mua hàng:

+ Trị giá thực tế hàng hóa mua vào, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (6112)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 141; hoặc

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

+ Chi phí mua hàng thực tế phát sinh, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (6112)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 141, 331,...

+ Khi thanh toán trước hạn, nếu doanh nghiệp được nhận khoản chiết khấu thanh toán trên lô hàng đã mua, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (khấu trừ vào nợ phải trả người bán)

Có các TK 111, 112,...

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

+ Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (nếu thu ngay bằng tiền)

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (khấu trừ vào nợ phải trả người bán)

Có TK 611 - Mua hàng (6112) (trị giá hàng hóa trả lại người bán)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

+ Khoản giảm giá hàng mua được người bán chấp thuận do hàng hóa không đúng phẩm chất, quy cách theo hợp đồng, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (nếu thu ngay bằng tiền)

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (khấu trừ vào nợ phải trả người bán)

Có TK 611 - Mua hàng (6112)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế tính, xác định trị giá hàng tồn kho, trị giá hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là đã bán, trị giá hàng hóa xác định là đã bán:

+ Kết chuyển trị giá hàng hóa tồn kho và hàng gửi đi bán cuối kỳ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 611 - Mua hàng.

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 611 - Mua hàng (6112).